

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Hữu Quang
- Ông Nguyễn Hùng Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng O, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 138/2, ấp L, xã A, huyện C, tỉnh L, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 285/5, ấp 5, xã H, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị Hồng O trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh L vào ngày 06/02/2002.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Bà và ông D có với nhau ba người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 2003,

hiện đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và Nguyễn Phan Đăng Kh, sinh ngày 26/3/2013 hiện nay do ông D nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được giao con chung tên Đăng Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và ông D có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Hồng O có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn D cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng O và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 18/2002 ngày 06/02/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà O, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt, thể hiện việc ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông D đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà O yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O.

[3] Về nuôi con chung: Bà O và ông D có với nhau ba người con chung tên Nguyễn Thị Hồng Nh sinh năm 2000, Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 2003 và Nguyễn Phan Đăng Kh, sinh ngày 26/3/2013.

Xét thấy, con chung tên Hồng Nh và Thùy Tr hiện nay đã trưởng thành và sống tự lập được nên đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Riêng con chung tên Đăng Kh bà O yêu cầu được giao cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại con chung do ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung được sống cùng với ba. Do đó, cần giao con chung tên Đăng Kh cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Mặc dù, ông D không có yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà O tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng của bà O phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Hồng O và ông Nguyễn Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phan Đăng Kh, sinh ngày 26/3/2013 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Phan Thị Hồng O phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp

nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Hồng O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà O đã nộp theo biên lai thu số 0006694 ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà O còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy